

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 677/2026/QĐST- DS
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
góp vốn.*

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thịnh Quang Thắng.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn văn Vĩ

2/ Ông Đào Ngọc San

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 421/2025/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng góp vốn”

XÉT THẤY:

Trước khi mở phiên toà và tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Xuân Q.** Sinh năm 1976. Nơi cư trú: **Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội.** CCCD số: 001076066008.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông **Đỗ Xuân Q:** Ông **Vũ T,** sinh năm 1988. Địa chỉ: **Tổ C, phường B, thành phố Hà Nội.**

* Người đại bảo vệ quyền và lợi ích pháp pháp của ông **Đỗ Xuân Q:** Ông **Nguyễn Minh Đ** - Luật sư. **Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H.**

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu S.** Sinh năm 1980. Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.** CCCD số: 001080011394.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Hữu S:** Bà **Chu Thị V.** Sinh năm 1977. Nơi đăng ký thường trú: **Số nhà B tô A phường L, thành phố Hà Nội.**

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Lan A.** Sinh năm 1983. Nơi cư trú: **Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội.** CCCD số 001183015961.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Lan A: Ông Vũ T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ C, phường B, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Năm 2022, ông Nguyễn Hữu S và ông Đỗ Xuân Q có cùng rủ nhau góp vốn đầu tư mua bán bất động sản cùng kiếm lời. Ông S, ông Q thống nhất miệng rằng: khi đầu tư vào mảnh đất nào thì ông S báo giá, ông Q sẽ cùng góp tiền với ông S để mua.

Ngày 03 tháng 03 năm 2022: ông Q chuyển cho ông S số góp vốn là 2.000.000.000 đồng (hai tỉ đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 21410000516666 tại Ngân hàng B của ông Nguyễn Hữu S;

Ngày 23 tháng 05 năm 2022, ông Q chuyển số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 21410000516666 tại Ngân hàng B của ông Nguyễn Hữu S.

Tổng cộng, ông Đỗ Xuân Q đã chuyển cho ông Nguyễn Hữu S số tiền **3.500.000.000 đồng** (ba tỉ năm trăm triệu đồng).

Ngày 12/02/2025, ông S, Q có lập 01 Văn bản thoả thuận tài sản chung ghi ngày 12/02/2025 với nội dung ghi nhận "Thửa đất số 71 nêu trên là do ông S, Q cùng góp tiền với ông S, do đó ông Q có quyền sử dụng đối với 70m², ông S có quyền sử dụng đối với 82,8 m²" để đảm bảo cho số tiền ông Q đã chuyển cho ông S.

Nay các bên thống nhất thoả thuận như sau:

2.1. Chấm dứt Hợp đồng hợp tác (bằng miệng) về việc góp vốn để mua bán chung bất động sản giữa ông Đỗ Xuân Q và ông Nguyễn Hữu S;

2.2. Tuyên bố Văn bản thoả thuận tài sản chung ngày 12/02/2025 giữa ông Đỗ Xuân Q và ông Nguyễn Hữu S là vô hiệu;

2.3. Ông Nguyễn Hữu S có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Xuân Q toàn bộ số tiền mà ông Đỗ Xuân Q đã góp vốn là **3.500.000.000 đồng** (ba tỉ năm trăm triệu đồng);

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Xuân Q rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền **3.500.000.000 đồng** (ba tỉ năm trăm triệu đồng).

2.5. Đối việc yêu cầu ông Q đăng tải xin lỗi ông S về việc đăng tin sai sự thật xúc phạm ông S thì ông S không yêu cầu giải quyết mà sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi

suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 102.000.000đ (Một trăm lẻ hai triệu đồng). Do các bên thỏa thuận được với nhau trước khi mở phiên toà nên chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ =51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu S chịu cả toàn bộ số tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước. Hoàn trả ông Đỗ Xuân Q số tiền 54.000.000đ là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/25E 0018015 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV7 - Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP Hà Nội ;
- THADS Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Thịnh Quang Thắng